TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NG
TỈNH K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số :09/2022/QĐST – HNGĐ

Ng, ngày 28 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 129/2021/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021, giữa;

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H; Sinh năm 1984.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc S; Sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 6 thị trấn P, huyện Ng, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 82, 83, 84, của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị H với anh Nguyễn Ngọc S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Ngọc S thỏa thuận thuận tình ly hôn, hôn nhân giữa anh chị chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này (28-3-2022).

-Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Ngọc S có 02 con chung tên là Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 12/8/2007 và Nguyễn Trần Bảo Ng, sinh ngày 04/7/2016. Chị H và anh S thỏa thuận : Con Nguyễn Trần Bảo Ng do chị Trần Thị H

nuôi dưỡng, con Nguyễn Trần Ngọc H do anh Nguyễn Ngọc S nuôi dưỡng, không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn các bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; Các bên có quyền thay đổi người nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng đối với bên không trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

-Về tài sản chung: Nguyên đơn rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí: Căn cứ Điều 144 và khoản 3,4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Ngọc S mỗi người phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị H nhận nộp thay cho anh S nên chị Trần Thị H phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), để nộp ngân sách Nhà nước. Chị Trần Thị H được chuyển 150.000đ tiền tạm ứng án phí sang tiền án phí và được nhận lại 10.150.000đ (*Mười triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0002704 ngày 23-12-2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng, tỉnh K.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-Nguyên đơn; Bị đơn
-VKSND huyện; THADS huyện
- UBND xã Ph –T H
- Q (nơi đăng ký kết hôn).
-Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Oanh